

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Hoàng Kim Tuấn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Chu Thị Nụ.

2. Ông Ma Văn Đủ.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên .

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2020 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị A - sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm BU, xã SM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

*(Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**Bị đơn:** Anh Hoàng Văn B - sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm BU, xã SM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

*(Vắng mặt lần 2 không có lý do).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và anh Hoàng Văn B lấy nhau và đăng ký kết hôn với nhau năm 2008 tại UBND xã SM, huyện V, Thái Nguyên.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Nguyên F1 – Sinh ngày 22/02/2009.

Về tài sản chung: Chị không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh B không vay ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Do hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình không hạnh phúc đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, xét tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn.

Nay chị yêu cầu Tòa án được ly hôn anh B.

Về con chung: Hiện tại chị chưa đủ điều kiện nuôi con, nên con chung để cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu F1 tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn B sau khi Tòa án thụ lý, Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo nhiều lần để anh B đến Tòa án làm các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng anh B trốn tránh không đến, nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên căn cứ vào Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

**\*Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật; đối với các đương sự nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Hoàng Văn B.

- Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Hoàng Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Nguyên F1 – Sinh ngày 22/02/2009 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị A cấp dưỡng nuôi cháu F1 mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu F1 tròn 18 tuổi. Chị A có quyền đi lại thăm con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không kê khai và không yêu cầu.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Hoàng Văn B.

[2] Về tư cách chủ thể: Chị Nguyễn Thị A khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Văn B nên chị Nguyễn Thị A là nguyên đơn, anh Hoàng Văn B là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị A: Cuộc hôn nhân giữa chị A và anh B là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Theo chị A do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình không hạnh phúc đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, xét tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh B. Căn cứ biên bản xác minh ngày 25/6/2020 của TAND huyện Võ Nhai tại địa phương, xác định quá trình chung sống chị A và anh B có xảy ra mâu thuẫn đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, nay anh B và chị A không còn sống chung nữa. Xét cuộc hôn nhân giữa chị A và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

[4] Về con chung: Anh B và chị A có 01 con chung là cháu Hoàng Nguyên F1 – Sinh ngày 22/02/2009. Cháu F1 hiện tại đang ở với bố và có nguyện vọng được ở với bố là Hoàng Văn B, đồng thời chị A chưa có đủ điều kiện nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh B mỗi tháng 800.000 đồng. Do vậy, căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Hoàng Nguyên F1 – Sinh ngày 22/02/2009 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu F1 tròn 18 tuổi. Anh B và chị A cũng như các thành viên trong gia đình có các quyền và nghĩa vụ đối với cháu F1 theo quy định.

[5] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tại phiên tòa là phù hợp.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; 228; 238 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ vợ chồng:** Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Hoàng Văn B.

**2. Về con chung:** Giao cháu Hoàng Nguyên F1 – Sinh ngày 22/02/2009 cho anh Hoàng Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu F1 tròn 18 tuổi. Anh B và chị A cũng như các thành viên trong gia đình có các quyền và nghĩa vụ đối với cháu F1 theo quy định.

Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu F1 mà không ai được cản trở.

Anh B cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị A thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu F1.

**3. Về tài sản chung:** Không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0007682 ngày 18 tháng 06 năm 2020.

Áp dụng Điều 357 BLDS đương sự phải chịu lãi xuất đối với khoản tiền chậm thi hành án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án B hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- Dương sự;
- VKSND;
- UB xã SM;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

**Hoàng Kim Tuấn**